

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Ngành: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Mã số: **7810103**

Hà Nội – 2017

MỤC LỤC

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo	3
2. Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển Khoa Du lịch	6
3. Lý do đăng ký mở ngành	7
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO\	12
1. Đội ngũ giảng viên	12
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	13
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	19
1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra	19
2. Thời gian đào tạo: 4 năm.....	21
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ.....	21
4. Đối tượng tuyển sinh	21
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	21
6. Thang điểm.....	21
7. Nội dung chương trình.....	21
8. Kế hoạch đào tạo	25
9. Mô tả các học phần	27
10. Ma trận chuẩn đầu ra học phần.....	42
11. Tài liệu tham khảo	42

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

1.1. Thông tin chung về trường

-Tên trường:

Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi University of Industry

-Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: ĐHCNHN

Tiếng Anh: HaUI

-Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

-Địa chỉ trường: Số 298 đường Cầu Diễn - Phường Minh Khai – Quận Bắc Từ Liêm –
Thành phố Hà Nội

-Thông tin liên hệ: Điện thoại: 84.24.37655391. Số fax: 84.24.37655261

Email: dhcnhn@hau.edu.vn. Website: www.hau.edu.vn

-Năm thành lập trường: 2005

-Thời gian bắt đầu đào tạo:

Đại học chính quy khoá 1: 09/2006

Liên thông cao đẳng - Đại học chính quy khóa 1: 10/2007

Thạc sĩ khóa 1: 12/2011

Tiến sĩ khóa 1: 2015

- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp:

Đại học chính quy khoá 1: 07/2010

Liên thông cao đẳng - Đại học chính quy: Khóa 1: 6/2009

Thạc sĩ khóa 1: 12/2013

- Loại hình trường đào tạo: Công lập.

1.2 Khái quát về nhà trường quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

- Ngày 10/8/1898 Trường Chuyên nghiệp Hà Nội được thành lập theo Quyết định của phòng Thương mại Hà Nội. Năm 1931 đổi tên thành Trường Kỹ nghệ thực hành Hà Nội.

- Ngày 29/8/1913, Toàn quyền Đông Dương thành lập Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng. Năm 1921, đổi tên thành Trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng;

- Ngày 15/02/1955, khai giảng khoá I Trường Kỹ thuật Trung cấp I tại địa điểm Trường Kỹ nghệ thực hành Hà Nội. Năm 1956 khai giảng khoá I Trường Công nhân kỹ thuật I tại địa điểm trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng;

- Ngày 22/4/1997 Bộ Công nghiệp ra quyết định số 580/QĐ-TCCB sát nhập 2 trường: Công nhân Kỹ thuật I và Kỹ nghệ thực hành Hà Nội lấy tên là Trường Trung học Công nghiệp I.

- Ngày 28/5/1999 Quyết định số 126/ QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Công nghiệp I;
- Ngày 2/12/2005 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 315/2005 QĐ/TTg thành lập Trường ĐHCNHN trên cơ sở Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội;
- Ngày 20/08/2011 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3844/QĐ-BGDĐT cho phép trường Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí, chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy. Trong những năm gần đây, nhà trường được Bộ Giáo dục và đào tạo tiếp tục cho phép đào tạo thạc sĩ các ngành: Kế toán; Công nghệ hóa học; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật cơ khí động lực; Công nghệ hóa; Quản trị kinh doanh; Kỹ thuật điện. Đặc biệt từ năm 2015, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường bắt đầu đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí;
- Trường ĐHCNHN là cơ sở đào tạo có truyền thống hơn 118 năm xây dựng và phát triển. Trải qua hơn một thế kỷ, trường đã đào tạo ra hàng vạn, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ trước đây cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Với những thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã vinh dự được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương Hồ Chí Minh vào dịp kỷ niệm 115 năm thành lập, tháng 11 năm 2013. Dưới đây là một số thành tựu nhà trường đã đạt được về đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ và cơ sở vật chất.

▪ **Về đội ngũ giảng viên:**

Đội ngũ giảng viên của nhà trường có trình độ chuyên môn giỏi, nghiệp vụ sư phạm tốt đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo. Hàng năm, ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên của trường còn tham gia các phong trào thi giáo viên dạy giỏi các cấp, nghiên cứu khoa học, học tập các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn, dài hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ. Trường hiện có hơn 1800 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 1451 giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn, với trên 80% trình độ trên đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ). Hàng năm nhà trường cử nhiều giảng viên đi học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước.

▪ **Về cơ sở vật chất:**

Hiện nay trường có 03 cơ sở đào tạo với tổng diện tích gần 50 ha. Tại các cơ sở, Nhà trường đã xây dựng kiên cố hơn 300 phòng học lý thuyết, 200 phòng thực hành, thí nghiệm với đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho đào tạo khoảng 40.000 học viên, học sinh, sinh viên.

Trường đã xây dựng mạng lưới liên kết đào tạo với hơn nhiều cơ sở đào tạo trên cả nước để đào tạo nhiều cấp trình độ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Trung tâm thư viện trên gần 400.000 đầu sách và nhiều loại phòng đọc khác nhau. Gần 2.500 máy vi tính, hệ thống mạng nội bộ toàn trường kết nối internet phục vụ công tác

quản lý điều hành, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Kí túc xá hiện đại với hơn 550 phòng ở cho học sinh, sinh viên nội trú được trang bị đầy đủ phương tiện sinh hoạt có thể phục vụ cho gần 6.000 học sinh, sinh viên. Các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của học sinh, sinh viên như: sân chơi thể thao, dịch vụ thẻ ATM, siêu thị, nhà ăn...

▪ ***Thành tựu trong hoạt động đào tạo:***

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo công nghệ nhiều ngành, nhiều cấp trình độ hàng đầu Việt Nam. Đến nay trường đang đào tạo: 01 ngành trình độ tiến sĩ, 08 ngành trình độ thạc sĩ; 29 ngành trình độ đại học; 23 ngành trình độ cao đẳng; 12 ngành trung cấp chuyên nghiệp; 06 nghề trình độ cao đẳng nghề.

Nhà trường đã tích cực phát triển về quy mô, mở rộng thêm nhiều ngành học theo nhu cầu của xã hội. Quy mô đào tạo của nhà trường hiện tại là hơn 40 nghìn học sinh – sinh viên. Hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đẳng cấp khu vực và Quốc tế, nhà trường đã tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thông qua đó để nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong xã hội.

Trường luôn coi trọng công tác xây dựng chương trình, giáo trình và đề cương bài giảng để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Kết quả trong 5 năm gần đây đã xây dựng được 95 chương trình khung, 4.374 chương trình chi tiết và 374 giáo trình, đề cương bài giảng.

Phong trào thi đua học tốt, thi học sinh giỏi các cấp được quan tâm, tổ chức thường xuyên hàng năm, kết quả đạt được trong 5 năm:

- Sinh viên giỏi cấp trường: 435
- Sinh viên giỏi nghề cấp Bộ, Thành phố: 146
- Sinh viên giỏi nghề cấp Quốc gia: 29
- Sinh viên giỏi nghề Asean, thế giới: 05 huy chương vàng, 02 chứng chỉ nghề Quốc tế
- Đội Robocon của trường: 01 lần vô địch toàn quốc năm 2007; 03 lần đạt danh hiệu á quân (năm 2007; 2010; 2011)

Quy mô đào tạo ngày càng mở rộng, liên kết đào tạo với nhiều cơ sở đào tạo trong và ngoài nước với nhiều loại hình: Chính quy, vừa làm vừa học, liên thông, ngắn hạn... Hiện nay nhà trường đang liên kết với trên 20 cơ sở liên kết trên địa bàn cả nước với số lượng trên 10.000 sinh viên. Hợp tác đào tạo quốc tế với Australia, Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ... để đưa cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường sang học cao học, nghiên cứu sinh.

▪ ***Thành tựu trong hoạt động nghiên cứu khoa học:***

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Bởi vậy Nhà trường luôn quan tâm và đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong

toàn thể cán bộ, giảng viên và học sinh/sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được tăng theo từng năm và ngày càng có chất lượng hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện thành công 02 đề tài cấp nhà nước, hơn 30 đề tài cấp Bộ, Tỉnh và hàng trăm đề tài cấp trường. Ngoài ra hàng năm các cán bộ, giảng viên nhà trường đều có các công trình khoa học có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước.

▪ **Các danh hiệu đã đạt được:**

- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới
- 01 Huân chương Hồ Chí Minh
- 02 Huân chương Độc lập hạng nhất
- 01 Huân chương Độc lập hạng ba
- 01 Huân chương Chiến công hạng nhất
- 01 Huân chương Chiến công hạng ba
- 11 Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba

Ngoài ra, Nhà trường cũng vinh dự nhận được nhiều cờ thưởng, bằng khen của Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Bộ, Ngành, Thành phố. Nhiều giáo viên của trường đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp toàn Quốc, cấp Thành phố và cấp trường. Học sinh của trường đã đạt nhiều danh hiệu học sinh giỏi nghề cấp Bộ, Thành phố và cấp Quốc gia. Đặc biệt qua các kỳ thi học sinh giỏi nghề Asean, 5 học sinh của trường đã xuất sắc giành huy chương vàng.

2. Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển Khoa Du lịch

Khoa Du lịch trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được thành lập từ ngày 15/05/2000. Nắm bắt được những yêu cầu của sự phát triển xã hội hiện đại, Khoa luôn có những bước đi tiên phong, đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Với tinh thần làm việc nhiệt huyết và trách nhiệm cao, khoa Du lịch đang ngày càng khẳng định được vị thế và tầm vóc, đào tạo ra đội ngũ nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 7 PGS và tiến sỹ và 28 NCS và thạc sỹ, cùng với rất nhiều các nhà khoa học, các nhà quản lý thỉnh giảng tại Khoa, một số giảng viên được học tập nghiên cứu ở nước ngoài. Các giảng viên của Khoa là những người rất vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm, có tâm huyết, nhiệt tình trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Trước những đòi hỏi của thực tiễn giảng dạy, Khoa luôn luôn tích cực xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng viên, xây dựng các chương trình đào tạo, viết giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập.

Cơ sở vật chất của Khoa gồm 50 phòng học lý thuyết và thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, đồng bộ giúp sinh viên có thể học tập nghiên cứu và rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn. Trong những năm qua Khoa đã có nhiều giảng viên giỏi các cấp, nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu được giới chuyên môn đánh giá cao,...

3. Lý do đăng ký mở ngành

Xuất phát từ nhu cầu của các công ty du lịch, đơn vị sử dụng nguồn nhân lực du lịch của Việt Nam và nhu cầu của người học là rất lớn (Phụ lục 1)

Trước yêu cầu mới Bộ chính trị đã ra Nghị quyết 08/BCT khóa 12 về đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong giai đoạn tới nhằm đạt 10% GDP. Ngày 20/10, Bộ GD-ĐT ra công văn số 4929/BGDĐT- GDĐH về việc áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành về du lịch, cùng với nhu cầu thực tế nhân lực của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và căn cứ vào năng lực của Nhà trường về tổ chức quản lý đào tạo, về đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo,...

Trong những năm gần đây, nền kinh tế phát triển mạnh mẽ với số lượng các doanh nghiệp không ngừng gia tăng. Theo Trung tâm Dự báo Nhân lực Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2010-2020 nhu cầu về nhân lực có trình độ chuyên môn hiện rất lớn, trình độ đại học trở lên khoảng 25%, cao đẳng, trung cấp khoảng 35%, chủ yếu các ngành nghề Quản lý kinh tế - Kinh doanh - Marketing, công nghệ thông tin, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, **Du lịch - Khách sạn**, Quản trị văn phòng, Y tế - Dược, Chăm sóc sức khỏe, Chế biến thực phẩm, Xây dựng - Kiến trúc, Điện - Điện tử... Tuy nhiên, việc đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của một số trường đại học trên địa bàn Hà Nội... mới chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu trên. Qua khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận cho thấy nhu cầu đội ngũ nguồn nhân lực Du lịch- Lữ hành là khá lớn (98% các cơ quan, doanh nghiệp du lịch được hỏi có nhu cầu tuyển dụng cán bộ được đào tạo cơ bản trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, lữ hành) trong khi số cơ sở đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn chưa nhiều, chỉ tiêu của các trường dành cho ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cũng chưa cao. Vì vậy, hàng năm số lượng sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ra trường cũng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội có đội ngũ giảng viên trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm đào tạo được tích lũy qua 119 năm xây dựng và trưởng thành, hàng năm trường đại học Công nghiệp Hà Nội đã có kinh nghiệm đào tạo ra hàng vạn cử nhân, kỹ sư trong đó có hàng nghìn cử nhân Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn, Hướng dẫn du lịch... Các cử nhân sau khi tốt nghiệp ra trường đã nhanh chóng có việc làm đúng chuyên môn đào tạo đáp ứng tốt nhiệm vụ và được các doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng lao động đánh giá cao.

Xuất phát từ những điều kiện trên, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội làm đề án đăng ký đào tạo thí điểm trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo cơ chế đặc thù được Bộ GD-ĐT cho phép.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO\

1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là các giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, có khả năng chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có trình độ tin học ngoại ngữ, nhiệt tình, tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường.

Bảng 2.01-Danh sách giảng viên cơ hữu của Khoa tham gia giảng dạy các học phần của ngành đăng ký

Số TT	Họ và tên	Bằng Đại học	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành chuyên ngành
1	Nguyễn Hữu Cung	Kinh tế đối ngoại	Tiến sĩ Trung Quốc, 2016	Quản trị Kinh doanh
2	Phạm Văn Đại	Tâm lý học	Tiến sĩ Việt Nam, 2016	Tâm lý học
3	Trần Đức Thành	Quản trị du lịch	Thạc sĩ. Việt Nam, 2011	Du lịch học
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Văn hóa du lịch	Thạc sĩ Việt Nam, 2014	Du lịch học
5	Bùi Phú Mỹ	Văn hóa du lịch	Thạc sĩ Việt Nam, 2016	Du lịch học
6	Dương Đình Bắc	Tâm lý học	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Tâm lý học
7	Vũ Thị Thu Hà	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh
8	Bùi Thị Thu Loan	Ngân hàng	Thạc sĩ Việt Nam, 2005	Kinh tế học
9	Nguyễn Thị Mai Anh	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh
10	Mai Châu Lan	Luyện kim	Thạc sĩ Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2017

Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.1. Phòng học, trang thiết bị phục vụ đào tạo của nhà trường

Hiện nay, Nhà trường có 3 cơ sở đào tạo ở Hà Nội và Hà Nam với tổng diện tích 50ha. Các giảng đường, phòng học lý thuyết trên 300 phòng, hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm gồm 200 phòng, số lượng máy tính trên 1500 máy. Nhà trường có nhiều phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ cho việc nghiên cứu và đào tạo.

Bảng 2.2: Các phòng Phòng học, trang thiết bị phục vụ đào tạo của nhà trường

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Diện tích đất trường quản lý, sử dụng	ha	46,59
1.1	Diện tích đất trường có quyền sử dụng đất	ha	46,59
1.2	Diện tích đất nhà trường thuê/mượn	ha	0
2	Số cơ sở đào tạo	cơ sở	03
3	Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo trường có quyền sử dụng đất	m ²	117.730
3.1	Phòng làm việc cán bộ quản lý, giảng viên	m ²	
	- Số phòng	phòng	254
	- Diện tích sử dụng	m ²	7.588
3.2	Giảng đường/phòng học	m ²	
	- Số phòng	phòng	264
	- Diện tích sử dụng	m ²	37.080
3.3	Hội trường	m ²	
	- Số phòng	phòng	04
	- Diện tích sử dụng	m ²	1.450
3.4	Phòng máy tính		
	- Diện tích sử dụng	m ²	4.040
	- Số máy tính sử dụng được	máy tính	1.535
	- Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	1.535
3.5	Phòng học ngoại ngữ		
	- Số phòng	phòng	30
	- Diện tích sử dụng	m ²	1.440

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	- Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng	thiết bị	102
3.6	Thư viện		
	- Số phòng	phòng	17
	- Diện tích sử dụng	m ²	6.240
	- Số đầu sách, giáo trình	quyển	
3.7	Phòng thí nghiệm		
	- Số phòng	phòng	44
	- Diện tích sử dụng	m ²	3.280
	- Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng	thiết bị	100
3.8	Xưởng thực tập, thực hành		128 phòng
	- Diện tích sử dụng	m ²	41.630
	- Số thiết bị thực hành, thực tập chuyên dùng	thiết bị	1472
3.9	Ký túc xá, khu thể dục thể thao và các công trình phụ trợ		
3.9.1	Ký túc xá		
	- Số sinh viên ở trong KTX	sinh viên	4.782
	- Số phòng	phòng	575
	- Diện tích sử dụng	m ²	34.494
	- Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /sv	6,84
3.9.2	Diện tích nhà ăn	m ²	2.840
3.9.3	Diện tích nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²	11.400
3.9.4	Diện tích khác	m ²	860

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2016

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

2.2. Thư viện

Nhà trường có 03 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m² và diện tích 2.000m² kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng Website thư viện <http://lib.hau.edu.vn/> để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo <http://ebook.moet.gov.vn/> giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* Phòng đọc tài liệu điện tử

- Số lượng phòng : 02

- Diện tích phòng : 100 m² /phòng

- Nguồn kinh phí xây dựng do Nhà trường đầu tư ; Tổng mức đầu tư trên 2 tỉ đồng

- Mục đích sử dụng :

Đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử,

Khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet ;

Thực hành, mô phỏng các thí nghiệm qua các phần mềm đã được cài đặt.

- Các trang thiết bị chính : Với 80 máy tính cấu hình cao nối mạng Lan và mạng internet tốc độ cao. .

- Danh mục các thiết bị khác kèm theo :

Stt	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	80	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đức	
3.	Wiless AIR – AP 1252 AG-A-K9	05	China	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	China	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	China	
Và nhiều trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

* Phòng đọc tài liệu tổng hợp

- Diện tích phòng : 500 m²

- Mục đích sử dụng : Đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí;

- Các trang thiết bị chính : Phòng Đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học. Tổng mức đầu tư trên 1.5 tỉ đồng do Nhà trường đầu tư. Phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi.

*** Phòng hội thảo khoa học**

- Số lượng phòng: 03;

- Diện tích phòng : 150 m² /phòng;

- Mục đích sử dụng : Dùng để báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn tốt nghiệp ;

- Các trang thiết bị chính : Đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến qua mạng internet không phân biệt khoảng cách địa lý.

Bảng 2.4. Danh mục giáo trình

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nước xuất bản/Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng
1	Nhập môn Du lịch học	Lê Thu Hương	NXB Giáo dục.	2012	1000	Nhập môn Du lịch học
2	Quản trị học	Khoa QLKD -Đại học CNHN	Đại học CN Hà Nội	2012	1000	Quản trị học
3	Tâm lý học quản lý	GS. Vũ Dũng, PGS.TS. Phùng Đình Mẫn	NXB Giáo dục.	2012	100	Tâm lý học quản lý
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	NXB Giáo dục	2012	450	Lịch sử văn minh thế giới
5	Nghi thức Nhà nước	Lưu Kiếm Thanh	NXB Thống kê	2011	500	Nghi thức Nhà nước
6	Nghi thức và lễ tân đối ngoại	Phùng Công Bách	Nxb. Thế giới, Hà Nội	2010	450	Nghiệp vụ lễ tân
7	Xã hội học đại cương	TS Đinh Thị Dậu	NXB Giáo dục	2010	800	Xã hội học
8	Toán cao cấp 1	Chúc Hoàng Nguyên	Nhà xuất bản Giáo dục.	2010	5000	Toán cao cấp 1
9	Giáo trình Toán cao cấp 2	Chúc Hoàng Nguyên	NXB Giáo dục.	2010	5000	Toán cao cấp 1

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nước xuất bản/Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng
10	Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong	NXB Thống kê	2012	3000	Mô hình toán kinh tế
11	Tin học văn phòng	Khoa CNTT	NXB Giáo dục	2014	5000	Tin văn phòng
12	Lý thuyết thống kê - ứng dụng trong quản trị và kinh tế	Hà Văn Sơn	Nhà xuất bản Thống kê	2004.	500	Thống kê xã hội
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2010	500	Cơ sở văn hóa Việt Nam
14	Giáo trình Tâm lý học đại cương	TS. Đinh Thị Dậu; ThS. Dương Đình Bắc	NXB Giáo dục	2014	500	Tâm lý học đại cương
15	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Dương Thị Thu Hà	NXB Giáo dục	2012	2000	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
16	Quản trị kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành	NXB Giáo dục	2014	1000	Quản trị kinh doanh khách sạn
17	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành	NXB Thống kê	2017	1000	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn
18	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	Lê Thu Hương	NXB Giáo dục	2014	1000	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành
19	Quản trị kinh doanh lữ hành	Lê Thu Hương	NXB Thống kê	2017	500	Quản trị kinh doanh lữ hành
20	Tâm lý học du lịch	Dương Đình Bắc	NXB GD	2015	1000	Tâm lý học du lịch
21	Kỹ năng giao tiếp	Phạm Văn Đại	NXB Thống kê	2015	1000	Kỹ năng giao tiếp
22	Địa lý du lịch	Lê Thu Hương	NXB Thống kê	2017	500	Địa lý du lịch

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nước xuất bản/Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng
23	Tổ chức sự kiện	Trần Đức Thành	NXB Thống kê	2017	500	Tổ chức sự kiện
24	Du lịch sinh thái					Du lịch Sinh thái
25	Du lịch Bền vững	Nguyễn Thị Bích Ngọc	NXB Thống kê	2017	500	Du lịch Bền vững
26	Quản trị nguồn nhân lực ngành Khách sạn	Lưu Trọng Tuấn	NXB LĐ-XH	2014	200	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch
27	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính	NXB ĐH KTQD	2012	500	Kỹ năng giao tiếp; Nghi thức xã hội
28	Quản trị Tổ chức sự kiện và lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	NXB LĐ-XH	2015	200	Tổ chức sự kiện; Quản trị sự kiện
29	Quản trị dịch vụ	Lưu Đan Thọ	NXB Tài chính	2016	200	Quản trị chất lượng dịch vụ

(Tất cả các danh mục tài liệu bảng 2.4 được lưu tại trung tâm thông tin thư viện trường)

Hà Nội, ngày..... tháng 04 năm 2017

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm 20... của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã số : 7810103
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

MTCT1: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

MTCT2: Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm; Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ đào tạo theo chuẩn quốc gia và khu vực; Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành; Thích nghi với môi trường làm việc; Có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học – công nghệ và sự hội nhập quốc tế.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

MTCT1: Có kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của ngành đào tạo và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

MTCT2: Có các kiến thức cơ sở, kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn sâu của ngành dịch vụ và lữ hành; các kiến thức về các kỹ năng nghề nghiệp và tư duy sáng tạo trong môi trường du lịch.

MTCT3: Có các kỹ năng liên cá nhân: giao tiếp, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia và hội nhập quốc tế.

MTCT4: Có hiểu biết kinh tế, chính trị và các vấn đề đương đại liên quan ngành du lịch để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (theo năng lực)

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo cụ thể			
		MTCT1	MTCT2	MTCT3	MTCT4
1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội vào hoạt động quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	x			
2	Nhận biết và phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch		x		
3	Thiết kế được chương trình du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường		x		
4	Lập kế hoạch thực hiện và điều hành chương trình du lịch		x		
5	Phân tích kết quả các hoạt động nghiệp vụ trong doanh nghiệp du lịch và lữ hành		x		
6	Giám sát và quản lý được hoạt động bộ phận tại các doanh nghiệp du lịch và lữ hành		x		
7	Phân tích, đánh giá và bước đầu xây dựng được các chiến lược, chính sách phát triển các doanh nghiệp du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe, an toàn, khả năng sản xuất và phát triển bền vững		x		
8	Tiếp cận và làm quen để sử dụng được các kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong doanh nghiệp du lịch và lữ hành		x		
9	Nhận biết và thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp		x		
10	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả			x	
11	Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và giải quyết các công việc chuyên môn			x	
12	Nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời				x
13	Hiểu biết về các vấn đề đương đại				x
14	Tiếp thu các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội, vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề về du lịch		x		x

1.3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí công tác sau:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên Marketing, điều hành tour trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện...

- Trưởng nhóm, giám sát, hoặc quản lý các bộ phận kinh doanh, nhân sự, quan hệ khách hàng, nghiên cứu và phát triển thị trường, quan hệ công chúng (PR) tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành...

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến du lịch và lữ hành: Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch, Tổng cục Du lịch, Vụ lữ hành, Vụ khách sạn, Sở du lịch, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch ...

- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu; liên quan tới các lĩnh vực du lịch và lữ hành

1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Đạt được 450 điểm tiếng Anh TOEIC nội bộ hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương; áp dụng thành thạo các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng trong cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh thông thường và chuyên ngành đơn giản.

- Sử dụng tốt máy vi tính và các phần mềm phục vụ công việc.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Ban hành kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 02 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN.

7. Nội dung chương trình

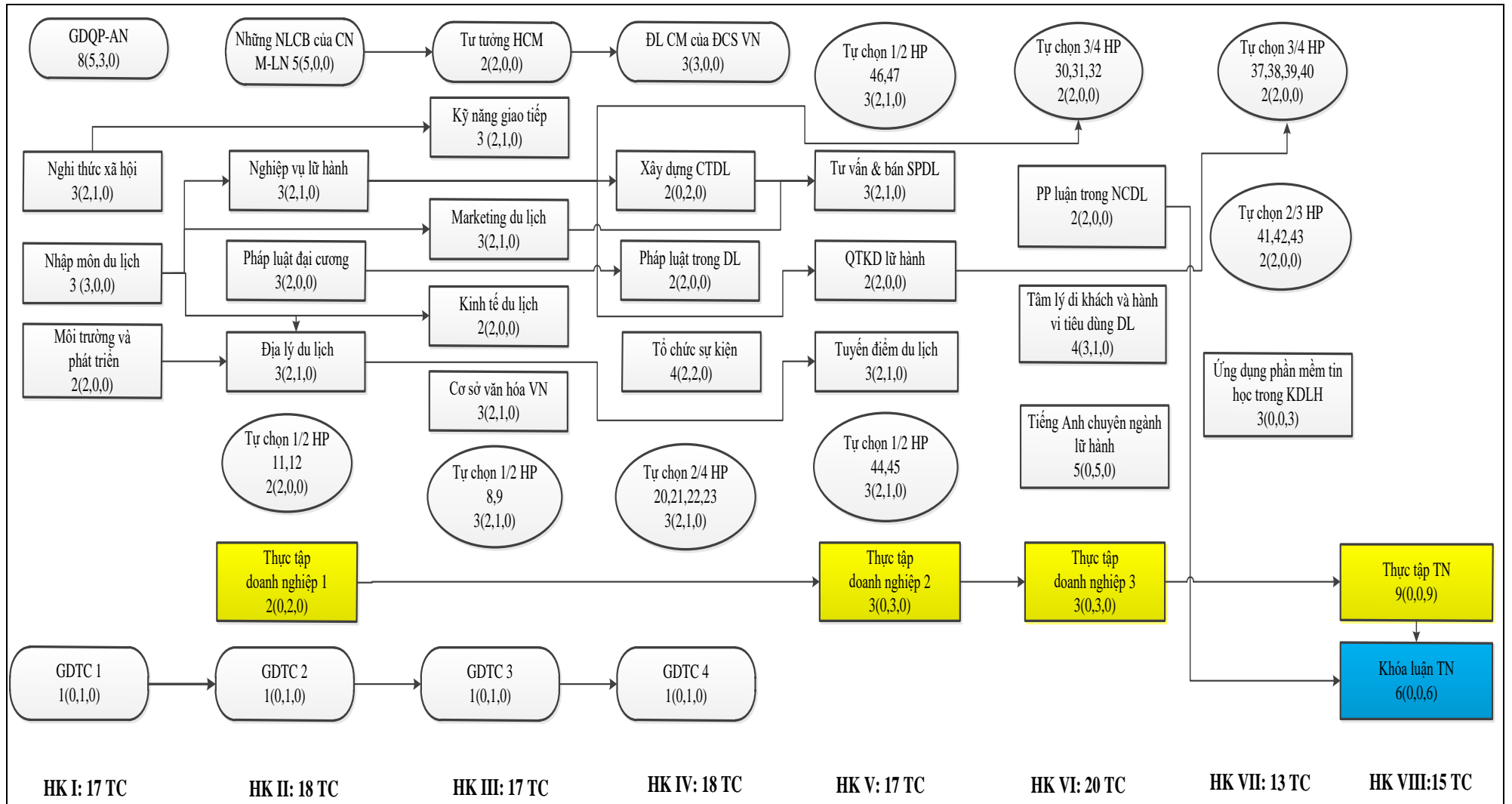
STT	Tên học phần	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	44	24	20	0

7.1.1	Lý luận chính trị	10	10	0	0
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	5	0	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0
7.1.2	Khoa học xã hội và nhân văn	13	10	3	0
7.1.2.1	<i>Bắt buộc</i>	10	8	2	0
4	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
5	Phương pháp luận trong nghiên cứu du lịch	2	2	0	0
6	Nghi thức xã hội	3	2	1	0
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2	1	0
7.1.2.2	<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3	2	1	0
8	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	2	1	0
9	Các nền văn minh thế giới	3	2	1	0
7.1.3	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5	0	5	0
7.1.4	Khoa học tự nhiên	4	4	0	0
7.1.4.1	<i>Bắt buộc</i>	2	2	0	0
10	Môi trường và phát triển	2	2	0	0
7.1.4.2	<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	2	2	0	0
11	Xác suất thống kê	2	2	0	0
12	Kinh tế vi mô	2	2	0	0
7.1.5	Giáo dục thể chất	4	0	4	0
7.1.6	Giáo dục quốc phòng	8	0	8	0
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	48	20	23
7.2.1	Kiến thức cơ sở	24	15	4	5
7.2.1.1	<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành</i>	5	3	0	2
13	Nhập môn du lịch học	3	3	0	0
14	Thực tập doanh nghiệp 1	2	0	0	2
7.2.1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	19	12	4	3
7.2.1.3	<i>Bắt buộc</i>	13	8	2	3
15	Marketing du lịch	3	2	1	0
16	Địa lý du lịch	3	2	1	0
17	Kinh tế du lịch	2	2	0	0
18	Pháp luật trong du lịch	2	2	0	0
19	Thực tập doanh nghiệp 2	3	0	0	3
7.2.1.3	<i>Tự chọn</i>	6	4	2	0

20	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	3	2	1	0
21	Tổng quan di sản thế giới	3	2	1	0
22	Di tích và danh thắng Việt Nam	3	2	1	0
23	Du lịch có trách nhiệm	3	2	1	0
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	22	10	9	3
7.2.2.1	<i>Bắt buộc</i>	16	6	7	3
24	Nghiệp vụ lữ hành	3	2	1	0
25	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2	0	0
26	Xây dựng chương trình du lịch	2	0	2	0
27	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	1	0
28	Ứng dụng phần mềm tin học trong kinh doanh lữ hành	3	0	3	0
29	Thực tập doanh nghiệp 3	3	0	0	3
7.2.2.2	<i>Tự chọn</i>	6	4	2	0
30	Điều hành chương trình du lịch	3	2	1	0
31	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2	1	0
32	Thương mại điện tử trong du lịch	3	2	1	0
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	30	23	7	0
7.2.3.1	<i>Bắt buộc</i>	14	9	5	0
33	Kỹ năng giao tiếp	3	2	1	0
34	Tổ chức sự kiện	4	2	2	0
35	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch	4	3	1	0
36	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	3	2	1	0
7.2.3.2	<i>Tự chọn</i>	16	14	2	0
	<i>Chọn 3/4 học phần</i>	6	6	0	0
37	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	2	2	0	0
38	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	2	2	0	0
39	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2	2	0	0
40	Kế toán trong doanh nghiệp du lịch	2	2	0	0
	<i>Chọn 2/3 học phần</i>	4	4	0	0
41	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0	0
42	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	2	2	0	0
43	Nghiệp vụ khách sạn	3	2	1	0
	<i>Chọn 1/2 học phần</i>	3	2	1	0
44	Du lịch sinh thái	3	2	1	0
45	Du lịch tâm linh	3	2	1	0

	<i>Chọn 1/2 học phần</i>	3	2	1	0
46	Giới thiệu âm nhạc Việt Nam	3	2	1	0
47	Các dân tộc Việt Nam	3	2	1	0
7.2.4	<i>Thực tập TN và Khóa luận TN</i>	15	0	0	15
48	Thực tập tốt nghiệp	9	0	0	9
49	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	6
	Tổng toàn khóa (Tín chỉ)	135	72	40	23

8. Kế hoạch đào tạo



9. Mô tả các học phần

9.1. Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác- Lênin

Mã học phần:

Số tín chỉ: 5(5,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Pháp luật đại cương

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật

nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần gồm các vấn đề: Quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng... Bên cạnh đó học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xử lý tình huống pháp luật trong thực tế, điều chỉnh hành vi theo đúng quy định của pháp luật và nhận thức được vai trò của mình trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo lập cho sinh viên thái độ tôn trọng pháp luật.

9.5. Phương pháp nghiên cứu trong khoa học du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo các ngành nghề du lịch ở trình độ đại học. Nội dung học phần mô tả những kiến thức lí luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học. Cung cấp sâu cho người học những phương pháp nghiên cứu, quy trình và cấu trúc của đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

9.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Trong đó, nhấn mạnh đến đặc trưng văn hóa của các vùng miền, đề cập đến vai trò của văn hóa trong các tổ chức đời sống tập thể và cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường và xã hội. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện được đặc trưng văn hóa vùng miền, quy luật văn hóa, diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa, có ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

9.7. Nghi thức xã hội

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức những quy tắc trong giao tiếp và ứng xử một cách văn minh, lịch sự và có văn hóa: Từ cách đi lại, nói năng, cử chỉ, điệu bộ, trang phục, cách ngồi, cách ăn, ứng xử với mọi người... Từ đó, Từ đó giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp, chu đáo, cẩn thận của người làm nghề dịch vụ.

9.8. *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho tới ngày nay. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện, so sánh, phân loại được các sự kiện lịch sử, các thời kỳ lịch sử Việt Nam theo tiến trình lịch sử từ nguồn gốc đến hiện đại. Bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa của lịch sử Việt Nam, qua đó có ý thức bảo tồn những giá trị truyền thống dân tộc.

9.9. *Các nền văn minh thế giới*

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nền văn minh nhân loại; những nét độc đáo của nền văn minh phương Đông và phương Tây thời kỳ cổ trung đại và văn minh thế giới thời kỳ cận hiện đại. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện được các nền văn minh nhân loại và phân biệt được hai loại hình văn minh phương Đông và phương Tây; bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa, văn minh của nhân loại, qua đó có ý thức bảo tồn những giá trị của nhân loại và dân tộc.

9.10. *Tiếng Anh chuyên ngành du lịch*

Mã học phần:

Số tín chỉ: 5 (0,5,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản về chuyên ngành du lịch, giúp cho người học có thể liên kết những ngôn ngữ đã được học với kinh nghiệm thực tế trong công việc liên quan đến chuyên ngành của mình. SV được luyện tập các kỹ năng cơ bản, trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu và giao tiếp trong những tình huống liên quan tới công việc của hướng dẫn viên du lịch. Sau khi kết

thức học phần, SV củng cố được các kiến thức ngữ pháp cơ bản và mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành thông dụng (khoảng 500 thuật ngữ) tương ứng với yêu cầu sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

9.11. Môi trường và phát triển

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan nhất về các vấn đề môi trường và tác động của sự phát triển đến tài nguyên và môi trường; là cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học – công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn... đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

9.12. Xác suất thống kê

Mã học phần:

Số tín chỉ, 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Xác suất thống kê bao gồm hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê toán.

- Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, khái niệm đại lượng ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thường gặp.

- Phần Thống kê toán giới thiệu cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các đặc trưng mẫu, bài toán ước lượng tham số tổng thể và bài toán kiểm định giả thiết.

Nội dung học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu một số môn học chuyên ngành liên quan.

Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, kỹ năng phân tích và ra quyết định.

9.13. Kinh tế vi mô

Mã học phần:

Số tín chỉ, 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung-cầu, qui luật cạnh tranh... Học phần còn đề cập đến hành vi của người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ.

9.14. Nhập môn du lịch học

Mã học phần

Số tín chỉ: 3 (3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được cấu trúc thành 8 chương, gồm các vấn đề cơ bản về du lịch, kinh doanh du lịch (các khái niệm về du lịch và du khách; sự hình thành và phát triển du lịch; nhu cầu, động cơ và các loại hình du lịch; điều kiện phát triển du lịch; sản phẩm và chất lượng sản phẩm du lịch; thời vụ du lịch; lao động trong du lịch; tác động của du lịch lên các lĩnh vực khác). Đây là các kiến thức nền tảng để người học học các môn chuyên ngành du lịch tiếp theo.

9.15. Thực tập doanh nghiệp 1

Mã học phần:

Số tín chỉ: 02 (0,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết thực tế đầu tiên về các thành phần tạo nên hoạt động du lịch: Khách du lịch, nhà kinh doanh du lịch, cư dân và chính quyền địa phương, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Thông qua chương trình học tập thực tế trên tuyến và tại điểm du lịch, người học có cơ hội được tham gia, quan sát sự vận hành của một chương trình du lịch, đặc biệt là quá trình cung cấp các dịch vụ của hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành, nhà xe, cơ sở lưu trú, điểm tham quan, điểm vui chơi giải trí... Những hiểu biết ban đầu này có ý nghĩa rất quan trọng, giúp người học hiểu và hình dung đúng về các vị trí nghề nghiệp được đào tạo, hình thành lòng yêu nghề, niềm say mê học tập.

9.16. Marketing du lịch

Mã học phần :

Số tín chỉ: 3(3;0;0)

Loại học phần : Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết : Nhập môn du lịch

Học phần gồm 10 chương trang bị cho người học nội dung của Marketing và Marketing du lịch, vai trò của Marketing trong hoạt động du lịch hiện đại, các xu hướng phát triển Marketing du lịch chủ yếu trên thế giới và Việt Nam; chiến lược về thị trường

và hướng dẫn cách tiếp thị trong du lịch; chiến lược đổi mới sản phẩm du lịch và quản bá sản phẩm du lịch.

9.17. Địa lý du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết : Nhập môn du lịch

Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về hệ thống lãnh thổ du lịch (hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch) cho sinh viên ngành du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành, ngành quản trị và kinh doanh khách sạn. Với cách tiếp cận điềm đến, người học có khả năng phân tích, đánh giá các điều kiện phát triển du lịch ở từng điềm du lịch, từng vùng du lịch cụ thể, từ đó định hướng hình thành và xây dựng các chương trình du lịch, góp phần phát triển năng lực thực hiện, điều hành, quản lý hoạt động du lịch. Học phần cung cấp các kỹ năng nhằm tăng khả năng thành công của người làm du lịch tương lai bằng cách nhận thức được trách nhiệm của người làm nghề du lịch, từ đó đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp và hành động.

9.18. Kinh tế du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (3,0,0)

Loại học phần : Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết : Nhập môn du lịch

Trên cơ sở Kinh tế học hiện đại, môn kinh tế du lịch xây dựng nên lý thuyết về thị trường du lịch (cầu du lịch, cung du lịch và giá cả du lịch), phân tích hoạt động của doanh nghiệp du lịch trong mỗi tác động qua lại với môi trường kinh doanh, đánh giá khả năng sinh lời của một dự án đầu tư du lịch, đưa ra các giải pháp cơ bản nhằm phân tán rủi ro trong kinh doanh du lịch.

9.19. Pháp luật trong du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần : Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết : Pháp luật đại cương

Chương trình học phần Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, dùng đào tạo trình độ hệ cao đẳng, đại học chuyên nghiệp cung cấp những vấn đề cơ bản về du lịch như bộ máy tổ chức và quản lý du lịch Việt Nam, tài nguyên du lịch, các vấn đề luật pháp của ngành khách sạn, nhà hàng và lữ hành, môn học sẽ phân tích các thủ tục

pháp lý trong hoạt động kinh doanh lễ hành, khách sạn, nhà hàng, xúc tiến du lịch và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực du lịch.

9.20. Thực tập doanh nghiệp 2

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập doanh nghiệp 1

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết thực tế về hoạt động của một doanh nghiệp lễ hành (cơ cấu tổ chức, cách thức vận hành, nhiệm vụ và chức năng của các vị trí). Ngoài ra, người học có cơ hội được thực hiện các công việc liên quan đến các vị trí nghề nghiệp được đào tạo. Đây là những kiến thức và kỹ năng quan trọng, giúp người học định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập trong thời gian còn lại.

9.21. Phong tục tập quán Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phong tục và lễ hội Việt Nam; mục đích, tính chất và nguồn gốc của phong tục và lễ hội; phân loại phong tục và lễ hội. Mối quan hệ giữa phong tục và lễ hội. Từ đó, sinh viên nhận diện được, hệ thống được các loại phong tục, lễ hội, các thành tố của phong tục, lễ hội, đặc điểm, giá trị tiêu biểu của phong tục, lễ hội. Phân tích, đánh giá những tác động của xã hội hiện đại đến phong tục Việt Nam. Phân tích, so sánh đặc điểm của lễ hội truyền thống Việt Nam với lễ hội hiện đại. Đồng thời, có thái độ trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua phong tục và lễ hội truyền thống của người Việt.

9.22. Tổng quan di sản thế giới

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được cấu trúc thành 6 chương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các di sản văn hoá thế giới tiêu biểu qua các giai đoạn của các châu lục như: kì quan thế giới cổ đại, kỳ quan thế giới mới, di sản tiêu biểu của các nước và Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng nhận diện, so sánh, phân tích các giá trị đặc trưng của mỗi

di sản. Trên cơ sở đó, sinh viên có ý thức vận dụng những hiểu biết đó vào nghề du lịch và trân trọng, gìn giữ các di sản thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

9.23. Di tích và Danh thắng Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Di tích và Danh thắng Việt Nam trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Di tích và Danh thắng tại Việt Nam. Qua đó, người học vận dụng được những nội dung cơ bản của vấn đề quản lý di tích và danh thắng theo luật pháp quy định và thực tiễn hiện nay của xã hội.

9.24. Du lịch có trách nhiệm

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần xây dựng chương trình du lịch gồm 4 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch có trách nhiệm như vai trò, nguyên tắc của du lịch có trách nhiệm. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ trách nhiệm trong hoạt động du lịch và những danh hiệu du lịch có trách nhiệm cũng như lợi ích của việc công nhận tôn vinh du lịch có trách nhiệm. Học phần cũng đưa ra các phương pháp, công cụ cơ bản để phát triển du lịch bền vững để người học có hướng tiếp cận thực tế và dễ áp dụng trong hoạt động nghề nghiệp du lịch trong tương lai.

9.25. Nghiệp vụ lễ hành

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn du lịch

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ hành (khái niệm, vai trò và chức năng của lễ hành; những hoạt động lễ hành chủ yếu; các nghiệp vụ lễ hành). Qua học phần này, người học từng bước hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, góp phần bồi dưỡng lòng yêu nghề và đam mê công việc của người học.

9.26. Quản trị kinh doanh lễ hành

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lễ hành

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành có 6 chương bao gồm: Tổng quan quản trị kinh doanh lữ hành, thông tin và quyết định quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị tiêu thụ sản phẩm lữ hành, quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành, quản trị hiệu quả kinh doanh lữ hành.

9.27. Xây dựng chương trình du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (0,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần xây dựng chương trình du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình du lịch như các đặc điểm của chương trình du lịch, nguyên tắc, yêu cầu đối với chương trình du lịch; quy trình xây dựng chương trình du lịch; xây dựng ý tưởng và tuyến hành trình cho chương trình du lịch; xây dựng các phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống; tính giá thành và chi tiết hoá chương trình du lịch. Trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được việc xây dựng và hoàn thiện các chương trình du lịch đáp ứng nhu cầu cụ thể của khách hàng và thị trường.

9.28. Tuyến, điểm du lịch Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Địa lý du lịch

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về các điểm du lịch, tuyến du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam cho sinh viên ngành du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành. Người học được trang bị kiến thức về tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, văn hóa, lịch sử, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch của các điểm, tuyến du lịch Việt Nam. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng để xây dựng các bài thuyết minh hướng dẫn du lịch và các chương trình du lịch Việt Nam; tham gia vào hoạt động lữ hành, tư vấn và bán các sản phẩm du lịch; làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các môn học khác tốt hơn.

9.29. Ứng dụng phần mềm tin học trong kinh doanh lữ hành

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Trong học phần này, người học được thực hành sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong kinh doanh lữ hành: Chat IM; mail outlook; phần mềm đặt giữ chỗ lữ hành...

Ngoài ra, người học được rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp trực tuyến với khách hàng: chào hỏi, giới thiệu, tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Học phần giúp cho người học nhận thấy được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong kinh doanh lữ hành và bồi dưỡng lòng đam mê nghề nghiệp cho người học.

9.30. Thực tập doanh nghiệp 3

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập doanh nghiệp 2

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết thực tế, chuyên sâu về hoạt động của một bộ phận trong doanh nghiệp lữ hành. Dưới sự hướng dẫn của người có chuyên môn, nghiệp vụ trong doanh nghiệp, người học được tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp, có cơ hội vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn để thực hiện các công việc cụ thể và thực tế tại doanh nghiệp. Đây là cơ hội để người học bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng, tiếp thu kinh nghiệm, bồi dưỡng niềm đam mê đối với vị trí nghề nghiệp mà người học đã lựa chọn.

9.31. Điều hành chương trình du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (0,3,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Môn học giới thiệu cho sinh viên những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch. Biết cách phát triển, cập nhật và sử dụng kiến thức về các điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của doanh nghiệp, những tài liệu cần thiết và có khả năng tìm kiếm và chuẩn bị những tài liệu cần thiết cho khách hàng, hiểu rõ các thông tin cần thiết phải đề cập khi đặt dịch vụ cho một tour du lịch, quy trình điều hành tour du lịch, những tình huống phát sinh trong công tác điều hành du lịch.

9.32. Thanh toán quốc tế trong du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (0,3,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về thanh toán quốc tế trong du lịch, bao gồm: các vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế như đặc điểm, vai trò và cân cân thanh toán quốc tế; các vấn đề về tỷ giá hối đoái như khái niệm, phân loại,

phương pháp công bố, phương pháp xác định, thị trường hối đoái; và trọng tâm là các phương

9.33. Thương mại điện tử trong du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2, 1, 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử trong kinh doanh du lịch.

9.34. Kỹ năng giao tiếp

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2, 1, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo các ngành nghề du lịch ở trình độ đại học. Nội dung học phần mô tả những kiến thức lí luận chung về giao tiếp trong du lịch. Cung cấp sâu cho người học những kĩ năng giao tiếp của người quản lí, nhân viên phục vụ của các bộ phận trong khách sạn, kĩ năng thuyết minh của Hướng dẫn viên du lịch.

9.35. Tổ chức sự kiện

Mã học phần:

Số tín chỉ: 4 (3, 1, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 4 chương các kiến thức cơ bản về Tổ chức sự kiện như những công việc ý tưởng sự kiện, kế hoạch tổ chức sự kiện, tổ chức hoạt động điều hành quản lý sự kiện, xử lý các sự cố, phát sinh trong hoạt động tổ chức sự kiện, hậu cần, khách mời, các công việc sau khi kết thúc sự kiện.

9.36. Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 4 (3, 1, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của khách du lịch, các hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến du khách và các hành vi tiêu dùng trong du lịch của du khách.

9.37. Tư vấn và bán sản phẩm du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Xây dựng chương trình du lịch; Marketing du lịch

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cụ thể về nghiệp vụ tư vấn và bán sản phẩm du lịch: Vị trí, vai trò và chức năng của hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; phân loại hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; quy trình tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Ngoài ra người học được thực hành các nghiệp vụ cơ bản khi tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Học phần cũng góp phần bồi dưỡng lòng đam mê của người học với vị trí nghề nghiệp này.

9.38. Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Quản trị kinh doanh lý hành

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực trong hoạt động lý hành: Những đặc trưng cơ bản của ngành kinh doanh lý hành và quản lý nguồn nhân lực; Công tác tổ chức và quản lý nguồn nhân lực trong KDLH; Nội dung tổ chức và quản lý nguồn nhân lực trong KDLH....

9.39. Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Quản trị kinh doanh lý hành

Học phần giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh dịch vụ và lý hành nhận diện, đánh giá các nguy cơ rủi ro. Từ đó, biết xây dựng các chương trình, kế hoạch phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh du lịch.

9.40. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Quản trị kinh doanh lữ hành

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch cho người học như: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, quy trình, phương pháp và các hệ thống quản trị chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch. Đồng thời cũng giới thiệu về nội dung, phương pháp đánh giá và giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch.

9.41. Kế toán du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ lữ hành

Học phần thuộc nhóm các môn học cơ sở áp dụng cho chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này gồm có 9 chương, phản ánh tổng quát toàn bộ quá trình hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong đơn vị kinh doanh du lịch – khách sạn từ lý luận cơ bản đến hạch toán các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí kinh doanh và tính giá thành trong kinh doanh du lịch; kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch,... Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những quy định chung, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính. Và kèm theo các nội dung đó là các ví dụ minh họa để người học dễ liên hệ với thực tiễn.

9.42. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch* gồm các vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (các khái niệm hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch; đặc điểm lao động và các yêu cầu nghề nghiệp của hướng dẫn viên du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình hướng dẫn du lịch và kỹ năng hướng dẫn du lịch). Học phần này giúp cho người học có cái nhìn khái quát nhất về hoạt động hướng dẫn du lịch và hình thành những kỹ năng cơ bản của hướng dẫn viên du lịch..

9.43. Nghiệp vụ thư ký văn phòng

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 (2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiệp vụ thư ký nhằm cung cấp cho người học phẩm chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các công tác trợ giúp của một nhân viên văn phòng trong các cơ quan, tổ chức

9.44. Nghiệp vụ khách sạn

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được cấu trúc thành 5 chương bao gồm các kiến thức về cơ bản về khách sạn : các loại hình sản phẩm cơ bản trong khách sạn như: lưu trú, ăn uống và các dịch vụ bổ sung; thanh quyết toán hợp đồng trong kinh doanh khách sạn. Đây là những kiến thức bổ trợ cho người làm lễ hành hiệu rõ hơn về dịch vụ lưu trú và các dịch vụ bổ sung để việc tổ chức chuyến đi cho khách du lịch thêm hoàn thiện.

9.45. Du lịch sinh thái

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về DLST: các khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc và yêu cầu của DLST, mối quan hệ giữa DLST và cộng đồng. Học phần còn trang bị cho sinh viên những thông tin khái quát về tiềm năng, thực trạng của DLST ở Việt Nam, đồng thời cung cấp định hướng và giải pháp phát triển cho DLST trong thời gian tới.

9.46. Du lịch tâm linh

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình du lịch tâm linh: Khái niệm, đặc điểm, phân loại, xây dựng chương trình. Từ đó, sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích được các vấn đề cơ bản của du lịch tôn giáo và vận dụng vào các môn học và thực tế công việc sau này.

9.47. Giới thiệu âm nhạc Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3 (2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam, nghệ thuật biểu diễn truyền thống cũng như các loại hình âm nhạc truyền thống Việt Nam như: nhạc khí, các dòng nhạc truyền thống, sân khấu, múa truyền thống. Và Từ đó sinh viên có khả năng phân tích và biết vận dụng các giá trị của âm nhạc Việt Nam trong lĩnh vực du lịch. Đồng thời sinh viên có ý thức trân trọng các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

9.48. Các dân tộc Việt Nam

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn khái quát về về bức tranh tộc người ở Việt Nam, đi sâu vào các đặc trưng văn hóa tộc người Việt - tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các tộc người khác theo từng khu vực.

9.49. Thực tập tốt nghiệp

Mã học phần:

Số tín chỉ: 9(0,0,9)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập doanh nghiệp 3.

Học phần thực tập tốt nghiệp là cơ hội để người học tìm hiểu một cách hoàn chỉnh về hoạt động quản trị dịch vụ lữ hành trong các công ty du lịch, chuẩn bị các kỹ năng cần thiết khi xin việc và duy trì công việc. Người học cũng sẽ được vận dụng và thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được đào để hoàn thành các công việc được giao tại các cơ sở thực tập.

9.50. Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần:

Số tín chỉ: 6(0,0,6)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp; Phương pháp luận trong nghiên cứu du lịch

Học phần này là sự xâu chuỗi, tổng hợp của nhiều lĩnh vực kiến thức mà sinh viên đã được nghiên cứu và học tập. Học phần đề cao tính ứng dụng, tính thực tiễn của sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đồng thời cũng yêu cầu nắm bắt được xu hướng và giải quyết các vấn đề đặt ra trong ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

10. Ma trận chuẩn đầu ra học phần

(Phụ lục kèm theo)

11. Tài liệu tham khảo

11.1. Chương trình đào tạo trong nước

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

(<http://tuyensinh.ussh.edu.vn/program/quan-tri-dich-vu-du-lich-va-lu-hanh/khung-chuong-trinh>)

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

(<http://dulich.hcmussh.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/dulich/Tailieu/Chuong%20trinh%20khung%202015.pdf>)

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.

(<http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaogioithieu/cid/2675>)

11.2. Chương trình đào tạo quốc tế

- International Hotel and Tourism Management, The University of Queensland, Australia.

(http://www.uq.edu.au/study/program.html?acad_prog=2206)

- Bachelor of Tourism Management, Vancouver Island University, Canada.

(<https://www.viu.ca/programs/tourism-recreation-hospitality/bachelor-tourism-management>)

11.3. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QG HN	Trường ĐH KHXH&NV – ĐH QG TPHCM	Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Trường ĐH Công nghiệp HN
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	10	10	10	10
	KHXH&NV	23	25	5	15
	Ngoại ngữ	14	10	20	5
	Khoa học tự nhiên	3	10	15	4
	GDQP&TD	12	11	12	12
Khối kiến thức giáo dục	Cơ sở khối ngành	17	56	30	5
	Cơ sở ngành	18		19	19

chuyên nghiệp	Chuyên ngành	41	37	24	22
	Bổ trợ	0	0	Hoạt động ngoại khóa	30
Tốt nghiệp	TTTN	3	3	10	9
	Khóa luận	5	10		6
Số TC tự chọn		26/53	20/48	10/24	33/58
Tổng số TC của CTĐT		134	150	145	135

11.4. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

STT	Tên học phần dự kiến	Trường ĐH KHXH& NV – ĐH QG HN	Trường ĐH KHXH& NV – ĐH QG TPHCM	Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Trường ĐH Công nghiệp HN
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	x	x	x	x
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x	x
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x
4	Pháp luật đại cương	x	x	x	x
5	Phương pháp luận trong nghiên cứu du lịch	x	x		x
6	Nghi thức xã hội				x
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	x	x
8	Tiến trình lịch sử Việt Nam				x
9	Các nền văn minh thế giới	x	x		x
10	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	x	x	x	x
11	Môi trường và phát triển	x	x		x
12	Xác suất thống kê				x
13	Kinh tế vi mô				x
14	Giáo dục thể chất	x	x	x	x
15	Giáo dục quốc phòng	x	x	x	x
16	Nhập môn du lịch	x			x
17	Thực tập doanh nghiệp 1	x	x		x
18	Marketing du lịch	x	x		x
19	Địa lý du lịch	x	x	x	x
20	Kinh tế du lịch		x		x
21	Pháp luật trong du lịch				x
22	Thực tập doanh nghiệp 2	x	x		x

23	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	x			x
24	Tổng quan di sản thế giới				x
25	Di tích và danh thắng Việt Nam				x
26	Du lịch có trách nhiệm				x
27	Nghiệp vụ lữ hành				x
28	Quản trị kinh doanh lữ hành	x	x	x	x
29	Xây dựng chương trình du lịch			x	x
30	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	x	x		x
31	Ứng dụng phần mềm tin học trong kinh doanh lữ hành				x
32	Thực tập doanh nghiệp 3		x		x
33	Điều hành chương trình du lịch		x		x
34	Thanh toán quốc tế trong du lịch	x	x		x
35	Thương mại điện tử trong du lịch				x
36	Kỹ năng giao tiếp				x
37	Tổ chức sự kiện	x	x		x
38	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch	x			x
39	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch				x
40	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp du lịch				x
41	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch		x		x
42	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch				x
43	Kế toán trong doanh nghiệp du lịch				x
44	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	x	x	x	x
45	Nghiệp vụ thư ký văn phòng				x
46	Nghiệp vụ khách sạn			x	x
47	Du lịch sinh thái	x	x		x
48	Du lịch tâm linh	x			x
49	Giới thiệu âm nhạc Việt Nam				x
50	Giới thiệu mỹ thuật Việt Nam				x
51	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x
52	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo quy chế giảng dạy và quy chế học vụ của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

(ký tên, ghi rõ họ tên)

